

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2026

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Tiếp

Bà Nguyễn Thị Thuởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tố Quyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Nhật L, sinh năm 1996; Nơi thường trú: Số nhà X, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Số nhà Y, phường C, Hà Nội (Vắng mặt).

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Số nhà V, phường H, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Nhật L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, qua thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa (Nay là phường Hạc Thành), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/11/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình bên nội tại phường Trường Thi, TP. Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, đến tháng 02 năm 2025 thì chị L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, đến tháng 6 năm 2025 thì chuyển ra Hà Nội sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không

có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung và hiện tại chị L không có thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn anh cũng thống nhất như quan điểm của chị L. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, đến tháng 02 năm 2025 thì chị L về nhà bố mẹ để sinh sống, đến tháng 6 năm 2025 thì chuyển ra Hà Nội sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên trong quá trình vợ chồng sống ly thân anh luôn tìm cách níu kéo nhưng chị L không hợp tác. Nay chị L ly hôn anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung và hiện tại chị L không có thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Chị L và anh Đ kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị hạnh phúc sau đó đến tháng 02 năm 2025 chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống và đến tháng 6 năm 2025 thì chị L chuyển ra ngoài Hà Nội. Việc chị L có đơn ly hôn anh Đ quan điểm của địa phương đề nghị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh, chị chưa có con chung. Về tài sản, công nợ: chính quyền địa phương không biết anh chị có tài sản và công nợ gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng xây dựng hạnh phúc nếu chị L cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; 227; 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Nhật L được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung và hiện tại chị L không có thai nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự thống nhất không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Nhật L và bị đơn anh Nguyễn Minh Đ là Tranh chấp về Ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; 228 BLTTDS để giải quyết vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Nhật L và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2025 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị L xác định không còn tình cảm và cương quyết ly hôn, anh Đ không đồng ý nhưng không đưa ra được cách khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận chị L được ly hôn anh Đ là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* *Về con*: Anh, chị chưa có con chung và hiện tại chị L không có thai nên HĐXX không xem xét.

* *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Nhật L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Nhật L được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về con chung: Anh, chị chưa có con chung và hiện tại chị L không có thai nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Nhật L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số BLTU/25E/0004163 ngày 19/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1- Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Liên